

Về việc bán đấu giá tài sản

Căn cứ Điều 101 Luật Thi hành án dân sự;

Căn cứ Quyết định thi hành án số 261/QĐ-CCThA ngày 04 tháng 12 năm 2012 của Chi cục trưởng Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 9);

Căn cứ Quyết định rút hồ sơ thi hành án số 208/QĐ-CTHA ngày 15 tháng 10 năm 2014 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh An Giang (nay là Thi hành án dân sự tỉnh An Giang);

Căn cứ Quyết định thi hành án số 419/QĐ-CCTHA ngày 24/12/2013 của Chi cục trưởng Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 9);

Căn cứ Quyết định rút hồ sơ thi hành án số 202/QĐ-CTHA ngày 15 tháng 10 năm 2014 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh An Giang (nay là Thi hành án dân sự tỉnh An Giang);

Căn cứ Quyết định thi hành án số 496/QĐ-CCTHA ngày 01/03/2013 của Chi cục trưởng Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 9);

Căn cứ Quyết định rút hồ sơ thi hành án số 203/QĐ-CTHA ngày 15 tháng 10 năm 2014 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh An Giang (nay là Thi hành án dân sự tỉnh An Giang);

Căn cứ Quyết định kê biên số 05/QĐ-CTHADS ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Chấp hành viên Cục Thi hành án dân sự tỉnh An Giang (nay là Thi hành án dân sự tỉnh An Giang);

Căn cứ Quyết định Thi hành án số 142/QĐ-CCTHA ngày 30/10/2013 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 9);

Căn cứ Quyết định rút hồ sơ số 207/QĐ-CTHA ngày 15/10/2014 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh An Giang (nay là Thi hành án dân sự tỉnh An Giang);

Căn cứ Quyết định Thi hành án số 18/QĐ-CCTH ngày 04/10/2013 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 9);

Căn cứ Quyết định rút hồ sơ số 123/QĐ-CTHA ngày 15/10/2014 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh An Giang (nay là Thi hành án dân sự tỉnh An Giang);

Căn cứ Quyết định Thi hành án số 12/QĐ-CCTHA ngày 04/10/2013 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 9);

Căn cứ Quyết định rút hồ sơ số 124/QĐ-CTHA ngày 15/10/2014 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh An Giang (nay là Thi hành án dân sự tỉnh An Giang);

Căn cứ Quyết định cưỡng chế kê biên quyền sử dụng đất số 25/QĐ CTHADS ngày 01 tháng 9 năm 2020 của Chấp hành viên Cục thi hành án dân sự tỉnh An Giang (nay là Thi hành án dân sự tỉnh An Giang);

Căn cứ kết quả thẩm định giá tại các chứng thư thẩm định giá số 215 BAG/2022/CT.ĐA ngày 09 tháng 11 năm 2022 của Công ty Cổ phần thẩm định giá Đông Á; số 131 BAG/2023/CT.ĐA ngày 06 tháng 9 năm 2023 của Công ty Cổ phần thẩm định giá Đông Á và số 156 TAG/2023/CT.ĐA ngày 03 tháng 10 năm 2023 của Công ty Cổ phần thẩm định giá Đông Á;

Căn cứ Thông báo bán đấu giá tài sản số 128/TB-TTĐVĐGTS ngày 16 tháng 6 năm 2026 của Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản tỉnh An Giang.

Thi hành án dân sự An Giang thông báo về việc tổ chức bán đấu giá tài sản như sau:

I. Tên, địa chỉ của tổ chức bán đấu giá tài sản: Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản tỉnh An Giang.

Địa chỉ: Số 01 đường Nguyễn Thái Học, phường Long Xuyên, tỉnh An Giang.

II. Tên tài sản hoặc danh mục tài sản, số lượng, chất lượng của tài sản đấu giá; nơi có tài sản đấu giá; giấy tờ về quyền sở hữu, quyền sử dụng đối với tài sản đấu giá:

Tài sản của ông Võ Minh Khải và bà Võ Thị Phi Vân, tọa lạc tại phường Mỹ Thới, tỉnh An Giang, cụ thể như sau:

Mục I. Quyền sử dụng đất (theo Quyết định cưỡng chế kê biên quyền sử dụng đất số 05/QĐ-CTHADS ngày 18/01/2022 của Thi hành án dân sự tỉnh An Giang), gồm:

1. Diện tích 16,6m² đất ở tại đô thị, thuộc thửa đất số 73; tờ bản đồ số 4; GCN quyền sử dụng đất số AG406155, sổ vào sổ H.01410hA do UBND thành phố Long Xuyên cấp ngày 13/9/2006 cho Võ Thị Phi Vân và Võ Minh Khải.

2. Diện tích 203,2m² đất trồng cây lâu năm, thuộc thửa đất số 74; tờ bản đồ số 4; GCN quyền sử dụng đất số AG 406156, sổ vào sổ H.01411hA do UBND

thành phố Long Xuyên cấp ngày 13/9/2006 cho Võ Thị Phi Vân và Võ Minh Khải.

Mục II. Quyền sử dụng đất (theo Quyết định cưỡng chế kê biên quyền sử dụng đất số 25/QĐ-CTHADS ngày 01/9/2020 của Thi hành án dân sự tỉnh An Giang), gồm:

1. Diện tích 2.036,9m² đất (196,6m² đất T + 1.840,3m² đất LNK), theo Bản trích đo hiện trạng khu đất ngày 25/3/2022 của Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh Long Xuyên; thuộc các thửa đất số 9, 10; tờ bản đồ số 005; GCN quyền sử dụng đất số 00252 QSDĐ/Ag do UBND tỉnh An Giang cấp ngày 20/3/2000 cho Võ Minh Khải. Diện tích theo Bản trích đo hiện trạng đất T giảm 3,4m²; diện tích đất LNK tăng 22,4m² so với GCN QSDĐ.

2. Diện tích 3.328,1m² đất (200m² đất T + 3.128,1m² đất LNK), theo Bản trích đo hiện trạng khu đất ngày 25/3/2022 của Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh Long Xuyên; thuộc các thửa đất số 26, 27; tờ bản đồ số 005; GCN quyền sử dụng đất số 00381 QSDĐ/Ag do UBND tỉnh An Giang cấp ngày 12/02/2001 cho Võ Minh Khải. Diện tích theo Bản trích đo hiện trạng đất LNK giảm 17,7m² so với GCN QSDĐ.

3. Diện tích 200m² đất ở tại đô thị, thuộc thửa đất số 82, tờ bản đồ số 4; GCN quyền sử dụng đất số H.04437hA do UBND thành phố Long Xuyên cấp ngày 23/9/2009 cho Võ Thị Phi Vân.

4. Diện tích 2.305,3m² đất trồng cây lâu năm (theo Bản trích đo hiện trạng khu đất ngày 25/3/2022 của Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh Long Xuyên); thuộc thửa đất số 83; tờ bản đồ số 4; GCN quyền sử dụng đất số H.04438hA do UBND thành phố Long Xuyên cấp ngày 23/9/2009 cho Võ Thị Phi Vân. Diện tích theo Bản trích đo hiện trạng đất giảm 2,3m² so với GCN QSDĐ.

5. Diện tích 200m² đất ở tại đô thị, thuộc thửa đất số 84; tờ bản đồ số 4; GCN quyền sử dụng đất số H.04439hA do UBND thành phố Long Xuyên cấp ngày 23/9/2009 cho Võ Thị Phi Vân.

6. Diện tích 2.136,5m² đất trồng cây lâu năm (theo Bản trích đo hiện trạng khu đất ngày 25/3/2022 của Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh Long Xuyên); thuộc thửa đất số 85, tờ bản đồ số 4; GCN quyền sử dụng đất số H.04440hA do UBND thành phố Long Xuyên cấp ngày 23/9/2009 cho Võ Thị Phi Vân. Diện tích theo Bản trích đo hiện trạng đất giảm 17,1m² so với GCN QSDĐ.

Mục III. Tài sản thuộc quyền sở hữu của Công ty TNHH Khải Hoàn (chưa đủ điều kiện cấp GCNQSH tài sản). Các tài sản có trên toàn bộ QSDĐ kê biên theo các Quyết định cưỡng chế kê biên quyền sử dụng đất số 25/QĐ-CTHADS ngày 01/9/2020 và Quyết định cưỡng chế kê biên quyền sử dụng đất số 05/QĐ CTHADS ngày 18/01/2022 của Thi hành án dân sự tỉnh An Giang, được thể hiện

trên Bản trích đo hiện trạng khu đất do Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh Long Xuyên lập ngày 25/3/2022, cụ thể như sau:

1. Nhà số 1: Có cấu trúc: Nền gạch tàu, khung gạch, vách gạch, sàn lầu BTCT, mái ngói. Tổng diện tích sàn sử dụng = 304,6m². (Trong đó: Diện tích xây dựng tầng trệt = 152,3m²; diện tích sàn lầu BTCT = 152,3m²).

Vị trí căn nhà có một phần diện tích nằm trên thửa đất số 74, tờ bản đồ số 4 và một phần diện tích sử dụng nằm trên thửa đất số 26, tờ bản đồ số 005, được xác định cụ thể như sau: Diện tích sử dụng nằm trong phạm vi ranh giới của GCN QSDĐ thửa số 74, tờ bản đồ số 4 là 137,4m²; phần diện tích sử dụng nằm trong phạm vi ranh giới GCN QSDĐ của thửa đất số 26, tờ bản đồ số 005 là 9,2m²; phần diện tích sử dụng nằm trên vị trí đất chưa được cấp GCN QSDĐ là 5,7m².

2. Nhà số 2: Có cấu trúc: Nền gạch tàu, khung gạch, vách gạch, mái ngói. Tổng diện tích sàn sử dụng = 195,8m². (Trong đó: Diện tích xây dựng tầng trệt = 97,9m²; diện tích sàn BTCT = 97,9m²). Vị trí căn nhà có một phần nằm trên thửa đất số 26, 27; tờ bản đồ số 005.

3. Nhà số 3: Có cấu trúc: Nền gạch tàu, khung gạch, vách gạch, mái ngói. Tổng diện tích sàn sử dụng = 221,6m². Vị trí căn nhà có một phần nằm trên thửa đất số 26, 27, tờ bản đồ số 005.

4. Nhà số 4: Có cấu trúc: Nền gạch men, khung BTCT, vách gạch, sàn lầu BTCT, mái ngói vẩy cá. Tổng diện tích sàn sử dụng = 89,2m². (Trong đó: Diện tích xây dựng tầng trệt = 44,6m²; diện tích sàn BTCT = 44,6m²).

Vị trí căn nhà có một phần nằm trên thửa đất số 26, 27, tờ bản đồ số 005.

5. Khách sạn: Có cấu trúc: Nền gạch men, khung BTCT, vách gạch, sàn lầu 1, lầu 2 BTCT, mái tole. Tổng diện tích sàn sử dụng = 1.382,7m². (Trong đó: Diện tích xây dựng tầng trệt = 460,9m²; diện tích sàn lầu 1, lầu 2 BTCT = 921,8m²). Vị trí khách sạn có một phần nằm trên thửa đất số 26, 27, tờ bản đồ số 005; một phần nằm ngoài phạm vi ranh giới GCN QSDĐ chưa được cấp GCN.

6. Nhà số 5: Có cấu trúc: Nền gạch men, khung BTCT, vách gạch, sàn lầu BTCT, mái tole. Tổng diện tích sàn sử dụng = 179,2m². (Trong đó: Diện tích xây dựng tầng trệt = 89,6m²; diện tích sàn BTCT = 89,6m²). Vị trí căn nhà có một phần nằm trên thửa đất số 27, tờ bản đồ số 005; phần còn lại nằm trên thửa đất số 83, tờ bản đồ số 4.

7. Nhà kho 1: Có cấu trúc: Nền láng xi măng, khung sắt tiền chế, vách tole + gạch, mái tole. Tổng diện tích sàn sử dụng = 400,6m². Vị trí nhà kho có một phần nằm trên thửa đất số 27, tờ bản đồ số 005; phần còn lại nằm trên thửa đất số 83, tờ bản đồ số 4.

8. Nhà kho 2: Có cấu trúc: Nền láng bê tông, khung sắt tiền chế, vách tole + gạch, mái tole. Tổng diện tích sàn sử dụng = 7,4m².

Vị trí nhà kho nằm trên thửa đất số 27, tờ bản đồ số 005.

9. Sân Tennis 1: Có cấu trúc: Nền láng xi măng, khung sắt tiền chế, vách lưới B40 + gạch, mái tole. Tổng diện tích sử dụng = 755,5m².

Vị trí sân Tennis có một phần nằm trên thửa đất số 27, tờ bản đồ số 005; phần còn lại nằm trên thửa đất số 83, tờ bản đồ số 4; một phần nằm ngoài ranh giới GCN QSDĐ.

10. Sân Tennis 2: Có cấu trúc: Nền láng xi măng, khung sắt tiền chế, vách lưới B40 + gạch, mái tole. Tổng diện tích sử dụng = 598,3m². Vị trí sân Tennis có một phần nằm trên thửa đất số 27, tờ bản đồ số 005; phần còn lại nằm trên thửa đất số 83, tờ bản đồ số 4.

11. Sân Tennis 3: Có cấu trúc: Nền láng xi măng, khung sắt tiền chế, vách lưới B40 + gạch + tole, mái tole. Tổng diện tích sử dụng = 604m². Vị trí sân Tennis có một phần nằm trên thửa đất số 27, tờ bản đồ số 005; phần còn lại nằm trên thửa đất số 83, tờ bản đồ số 4; một phần nằm ngoài ranh giới GCN QSDĐ.

12. Nhà vệ sinh có cấu trúc: Nền gạch men, khung gạch, vách gạch, mái tole. Tổng diện tích sử dụng = 16,5m². Vị trí nhà vệ sinh có một phần nằm trên thửa đất số 27, tờ bản đồ số 005; một phần nằm ngoài ranh giới GCN QSDĐ.

13. Nhà số 6: Có cấu trúc: Nền láng xi măng, khung gạch + khung sắt tiền chế, vách gạch, mái tole. Tổng diện tích sàn sử dụng = 67,8m².

Vị trí căn nhà có một phần nằm trên thửa đất số 27, tờ bản đồ số 005; một phần nằm ngoài ranh giới GCN QSDĐ.

14. Nhà số 7: Có cấu trúc: Nền láng xi măng + gạch men, khung BTCT, vách gạch, sàn lầu 1, lầu 2 BTCT, mái tole. Tổng diện tích sàn sử dụng = 139,2m². (Trong đó: Diện tích xây dựng tầng trệt = 46,4m²; diện tích sàn lầu 1, lầu 2 BTCT = 92,8m²).

Vị trí căn nhà có một phần nằm trên thửa đất số 27, tờ bản đồ số 005; một phần diện tích nằm ngoài ranh giới GCN QSDĐ.

15. Nhà số 8: Có cấu trúc: Nền gạch men, khung BTCT, sàn lầu BTCT, vách gạch, mái tole. Tổng diện tích sàn sử dụng = 686,4m². (Trong đó: Diện tích xây dựng tầng trệt = 343,2m²; diện tích sàn lầu BTCT = 343,2m²).

Vị trí căn nhà có một phần nằm trên thửa đất số 83, 85; tờ bản đồ số 4; một phần nằm trên thửa đất số 10, tờ bản đồ số 005.

16. Nhà số 9: Có cấu trúc: Nền gạch men, khung BTCT, sàn lầu BTCT, vách gạch, mái tole. Tổng diện tích sàn sử dụng = 449m². (Trong đó: Diện tích xây dựng tầng trệt = 224,5m²; diện tích sàn lầu BTCT = 224,5m²). Vị trí căn nhà nằm trên thửa đất số 10, tờ bản đồ số 005.

17. Nhà số 10: Có cấu trúc: Nền gạch men, khung BTCT, sàn lầu BTCT, vách gạch, mái tole. Tổng diện tích sàn sử dụng = 297m². (Trong đó: Diện tích xây dựng tầng trệt = 148,5m²; diện tích sàn lầu BTCT = 148,5m²).

Vị trí căn nhà nằm trên thửa đất số 10, tờ bản đồ số 005.

18. Nhà số 11: Có cấu trúc: Nền gạch men, khung BTCT, sàn lầu 1, lầu 2, BTCT, vách gạch, mái ngói. Tổng diện tích sàn sử dụng = 365,7m². (Trong đó: Diện tích xây dựng tầng trệt = 121,9m²; diện tích sàn lầu 1, lầu 2 BTCT = 243,8m²). Vị trí căn nhà nằm trên thửa đất số 9, tờ bản đồ số 005.

19. Nhà số 12: Có cấu trúc: Nền gạch men, khung BTCT, sàn lầu BTCT, vách gạch, mái ngói. Tổng diện tích sàn sử dụng = 177m². (Trong đó: Diện tích xây dựng tầng trệt = 88,5m²; diện tích sàn lầu BTCT = 88,5m²).

Vị trí căn nhà có một phần nằm trên thửa đất số 9, 10; tờ bản đồ số 005; phần còn lại nằm trên thửa đất số 84, tờ bản đồ số 4.

20. Nhà số 13: Có cấu trúc: Nền gạch men, khung gạch, vách gạch, mái tole. Tổng diện tích sàn sử dụng = 22,3m².

Vị trí căn nhà nằm trên thửa đất số 9, 10; tờ bản đồ số 005.

21. Nhà số 14 (Quán Coffe): Có cấu trúc: Nền gạch tàu, khung gạch, mái ngói. Tổng diện tích sàn sử dụng = 170,9m².

Vị trí căn nhà có một phần nằm trên thửa đất số 27; tờ bản đồ số 005; phần còn lại nằm trên thửa đất số 82, 83; tờ bản đồ số 4.

22. Nhà số 15: Có cấu trúc: Nền gạch men + gạch bông, khung BTCT, sàn lầu BTCT, vách gạch, mái tole. Tổng diện tích sàn sử dụng = 87,2m². (Trong đó: Diện tích xây dựng tầng trệt = 43,6m²; diện tích sàn lầu BTCT = 43,6m²).

Vị trí căn nhà nằm trên thửa đất số 9, 10; tờ bản đồ số 005.

23. Hồ bơi 1: Có tổng diện tích sử dụng 148,5m². Vị trí hồ bơi có một phần nằm trên thửa đất số 10; tờ bản đồ số 005; phần còn lại nằm trên thửa đất số 85; tờ bản đồ số 4.

24. Hồ bơi 2: Có tổng diện tích sử dụng 787,4m².

Vị trí hồ bơi có một phần nằm trên thửa đất số 10; tờ bản đồ số 005; phần còn lại nằm trên thửa đất số 85; tờ bản đồ số 4.

25. Đài nước: Có cấu trúc: Xây gạch, ốp đá. Tổng diện tích sử dụng = 15m². Vị trí đài nước nằm trên thửa đất số 82, 85; tờ bản đồ số 4.

26. Mái che nhà xe 1: Có diện tích sử dụng 38,9m², có cấu trúc: Nền láng xi măng, khung sắt tiền chế, mái tole.

27. Mái che nhà xe 2: Có diện tích sử dụng 50m², có cấu trúc: Nền láng xi măng, khung sắt tiền chế, mái tole.

28. Mái che nhà xe 3: Có diện tích sử dụng 18,4m², có cấu trúc: Nền láng xi măng, khung sắt tiền chế, mái tole.

29. Máy biến áp phân phối 3 pha: Hiệu Thi bi di.

30. Cây trồng trên đất không xác định được độ tuổi: Cây cau kiểng 30, dừa 01, cây sộp 05, cây dương 02, cây mận 01, cây hoa hoàng hậu 01, cây xanh 04, cây khế 01, cây chàm 01, cây vừng 01, cây sứ 01, cây cọ kiểng 02.

31. Mái che sân đường: Có tổng diện tích 575,45m², có cấu trúc: khung sắt tiền chế, mái tole.

32. Cổng chính (trụ xây gạch): Có tổng diện tích 2,16m², có cấu trúc: xây gạch 600 x 600 (cm), cao 2,6m.

33. Hàng rào lưới B40: Có tổng diện tích 21,5m², có cấu trúc: khung sắt, vách lưới B40.

34. Hàng rào (quán bê thui): Có tổng diện tích 46,4m², có cấu trúc: trụ gạch, tường xây gạch.

35. Hàng rào (quán cà phê): Có tổng diện tích 42,35m², có cấu trúc: trụ gạch + sắt, vách xây gạch, có mái che cổng bằng khung sắt, lợp ngói.

36. Cổng trước nhà: Có tổng diện tích 24,15m², có cấu trúc: trụ bê tông + sắt.

37. Hệ thống xử lý nước thải: Có số lượng 227m, có cấu trúc: cống bê tông ly tâm, đường kính 0,6m được bọc bởi gạch xây.

38. Hệ thống dây cáp điện: Có số lượng 227m, có cấu trúc: loại dây điện 3 pha.

39. Tường rào xây kiên cố: Có tổng diện tích 1.196,15m², có cấu trúc: khung BTCT, vách xây gạch.

40. Hệ thống giếng khoan cấp nước hồ bơi: Số lượng 01, có cấu trúc: lắp đặt ống PVC Bình Minh, đường kính 90mm.

41. Hàng rào hồ bơi: Có tổng diện tích 187,5m², có cấu trúc: khung sắt, xây gạch ốp đá, vách lưới.

42. Phần sân bê tông– nhựa: Có tổng diện tích 2.769,9m².

Tài sản bán đấu giá tọa lạc tại số 26/2, Quốc Lộ 91, khóm Thanh An, phường Mỹ Thới, tỉnh An Giang.

Tài sản là công trình xây dựng có nhiều hạng mục xuống cấp, không có giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình và không đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu; Tài sản đấu giá được bán theo hiện trạng, người mua được tài sản đấu giá được giao tài sản theo hiện trạng thực tế; Nội dung chi tiết, hiện trạng tài sản đấu giá, người có tài sản đấu giá cùng với người đăng ký tham gia đấu giá xác định cụ thể khi xem tài sản đấu giá; giao nhận tài sản sau khi đấu giá thành.

III. Thời gian, địa điểm xem tài sản và giấy tờ quyền sở hữu, sử dụng tài sản và tài liệu liên quan đấu giá: Trong giờ hành chính, các ngày 01, 02 và ngày 03/7/2026 tại nơi tài sản tọa lạc tại phường Mỹ Thới, tỉnh An Giang.

IV. Thời gian, địa điểm bán hồ sơ tham gia đấu giá, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá:

Tại Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản tỉnh An Giang trong giờ hành chính, liên tục từ từ 07 giờ 30 ngày 17/6/2026 cho đến trước 17 giờ 00 ngày 06/7/2026.

V. Giá khởi điểm của tài sản đấu giá: 75.196.537.304 đồng (*Bảy mươi lăm tỷ một trăm chín mươi sáu triệu năm trăm ba mươi bảy ngàn ba trăm lẻ bốn đồng*).

Trong đó:

- Giá khởi điểm của tài sản tại mục I: 1.388.429.083 đồng.
- Giá khởi điểm của tài sản tại mục II: 51.264.485.686 đồng.
- Giá khởi điểm của tài sản tại mục III: 22.543.622.535 đồng.

VI. Tiền mua hồ sơ tham gia đấu giá, tiền đặt trước:

- Tiền mua hồ sơ tham gia đấu giá: Theo Thông tư số 03/2025/TT-BTC ngày 22/01/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành, cụ thể: 1.000.000 đồng/hồ sơ.
- Tiền đặt trước; ngày, giờ bắt đầu, hết hạn nộp tiền đặt trước:

Người tham gia đấu giá phải nộp tiền đặt trước cho Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản tỉnh An Giang là: 15% giá khởi điểm của tài sản đấu giá, tương đương: 11.279.480.000 đồng. Bắt đầu từ 07 giờ 30 ngày 17/6/2026 cho đến 17 giờ 00 ngày 06/7/2026.

VII. Thời gian, địa điểm, điều kiện, cách thức đăng ký tham gia đấu giá:

- Thời gian đăng ký tham gia đấu giá:

Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản bán hồ sơ mời tham gia đấu giá, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá: Trong giờ hành chính, liên tục kể từ 07 giờ 30 ngày 17/6/2026 cho đến trước 17 giờ 00 ngày 06/7/2026.

- Địa điểm đăng ký tham gia đấu giá: Tại trụ sở Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản tỉnh An Giang.

- Cách thức đăng ký tham gia đấu giá:

Trong thời hạn đăng ký tham gia đấu giá, cá nhân, tổ chức không thuộc trường hợp người không được đăng ký tham gia đấu giá theo quy định của Luật Đấu giá tài sản và quy định khác của pháp luật có liên quan đăng ký tham gia đấu giá thông qua việc nộp hồ sơ tham gia đấu giá hợp lệ và tiền đặt trước đúng thời gian, địa điểm trong Thông báo này cho Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản theo quy định của Luật Đấu giá tài sản và quy định khác của pháp luật có liên quan. Trong trường hợp pháp luật có quy định về điều kiện khi tham gia đấu giá thì người tham gia đấu giá phải đáp ứng điều kiện đó. Người tham gia đấu giá có thể ủy quyền bằng văn bản cho người khác thay mặt mình tham gia đấu giá.

VIII. Thời gian, địa điểm tổ chức cuộc đấu giá;

- Thời gian tổ chức cuộc đấu giá: Bắt đầu lúc 09 giờ 00 phút, ngày 09/7/2026.

- Địa điểm tổ chức cuộc đấu giá: Tại Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản tỉnh An Giang (Số 01 đường Nguyễn Thái Học, phường Long Xuyên, tỉnh An Giang).

IX. Hình thức đấu giá, phương thức đấu giá;

- Hình thức đấu giá: Đấu giá trực tiếp bằng lời nói tại phiên đấu giá.
- Phương thức đấu giá: Trả giá lên.
- Bước giá, việc áp dụng bước giá tại các vòng đấu giá trong trường hợp cuộc đấu giá có bước giá và các vòng đấu giá; giá trả hợp lệ, giá trả không hợp lệ trong trường hợp đấu giá trực tiếp bằng lời nói tại phiên đấu giá:

Bước giá: Tối thiểu là: 100.000.000đồng, không hạn chế giá trả tối đa.

Việc áp dụng bước giá tại các vòng đấu giá trong trường hợp cuộc đấu giá có bước giá và các vòng đấu giá: Cuộc đấu giá có áp dụng bước giá. Người tham gia đấu giá phải tuân thủ bước giá.

- Giá trả giá hợp lệ, giá trả giá không hợp lệ trong trường hợp đấu giá trực tiếp bằng lời nói tại phiên đấu giá

Giá trả giá hợp lệ

+ Tại Lần trả giá đầu tiên, người tham gia đấu giá phải trả giá ít nhất bằng giá khởi điểm. Trường hợp trả cao hơn giá khởi điểm thì giá trả phải ít nhất bằng giá khởi điểm cộng bước giá nêu trên, không hạn chế mức giá trả tối đa.

+ Từ Lần đấu giá thứ hai trở đi, người trả giá sau phải trả giá cao hơn giá mà người trả giá trước liền kề đã trả, giá trả phải ít nhất bằng giá cao nhất của lần đấu giá trước liền kề cộng bước giá nêu trên, không hạn chế mức giá trả tối đa.

+ Trường hợp khi đã hết thời hạn đăng ký tham gia mà chỉ có một người đăng ký tham gia đấu giá hoặc có nhiều người đăng ký tham gia đấu giá nhưng chỉ có một người tham dự phiên đấu giá hoặc có nhiều người tham dự phiên đấu giá nhưng chỉ có một người trả giá hợp lệ hoặc có nhiều người trả giá nhưng chỉ có một người trả giá cao nhất và ít nhất bằng giá khởi điểm thì tài sản được bán cho người đó.

Giá trả không hợp lệ

+ Giá trả không tuân thủ quy định nêu trên là Giá trả không hợp lệ.

+ Sau khi Đấu giá viên nhắc lại 03 lần giá cao nhất đã trả, mỗi lần cách nhau 30 giây (tổng cộng 90 giây cho 03 lần nhắc lại) mà người tham gia đấu giá mới trả giá, thì giá trả đó không hợp lệ.

Tổ chức, cá nhân, có nhu cầu mua đấu giá tài sản xin liên hệ và nộp hồ sơ tại Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản tỉnh An Giang.

Địa chỉ: số 01 đường Nguyễn Thái Học, phường Long Xuyên, tỉnh An Giang, điện thoại: 02966250274. Website: www.daugiaangiang.com.

Trước khi mở bán cuộc đấu giá 01 ngày làm việc, người phải thi hành án có quyền nhận lại tài sản nếu nộp đủ tiền thi hành án và thanh toán các chi phí thực tế, hợp lý đã phát sinh từ việc cưỡng chế thi hành án, tổ chức bán đấu giá.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- UBND phường Mỹ Thới;
- Viện kiểm sát nhân dân An Giang;
- Kế toán nghiệp vụ;
- Trang TTĐT của THADS;
- Lưu: VT, HSTHA (CHV: Phan Trọng Hải).

CHẤP HÀNH VIÊN

Phan Trọng Hải